

Số: TTr-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC CHUẨN TRỢ GIÚP XÃ HỘI VÀ CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/2/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024: “Điều 27 Khoản 1: Xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô bảo đảm đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân...”; “Khoản 3. b)... hỗ trợ đối với các đối tượng khác theo mức cao hơn mức quy định hoặc cho đối tượng chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên;” “Khoản 4. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thành phố; từng bước mở rộng phạm vi đối tượng thụ hưởng và bố trí ngân sách phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách Thành phố để thực hiện ...”

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”; (Mục tiêu đến năm 2030: Xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân...).

- Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 04/4/2024 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, trong đó có nội dung: *“Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu”*;

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ, trong đó có nội dung: *“Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”*.

- Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; (Khoản 2, Điều 3 *“Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, huy động các nguồn lực xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ thêm cho người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội”*).

- Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; (Mục 3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể: a) giai đoạn 2025 -2030: *100% người cao tuổi tâm thần nặng, người cao tuổi lang thang được nhận, chăm sóc, phục hồi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội*).

- Chương trình số 08-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về *“Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025”*, trong đó có nội dung *“nâng mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ hàng tháng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố”*.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Căn cứ thực hiện

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024;

- Nghị định 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

- Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025;

- Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Về mức chuẩn trợ giúp xã hội

- Hà Nội là một trong những địa phương đi đầu cả nước trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội, là một trong những địa phương có mức chuẩn cao hơn mức trung ương quy định. Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội trong đó tại khoản 2 Điều 2 quy định: “2. *Mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố Hà Nội là 440.000 đồng/tháng*”; mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố bằng 1,22 lần so với mức chuẩn trợ giúp xã hội của Chính phủ quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (*mức chuẩn 440.000 đồng so với 360.000 đồng*).

- Từ năm 2011 đến 2024, Chính phủ đã 02 lần thay đổi mức chuẩn trợ giúp xã hội (*năm 2021, 2024*); thành phố Hà Nội 01 lần thay đổi mức chuẩn trợ giúp xã hội của địa phương (*năm 2021*). Thành phố luôn áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn của Trung ương. Cụ thể:

+ Từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 6 năm 2021 áp dụng mức chuẩn 350.000 đồng/tháng (*Trung ương là 180.000 đồng/tháng*).

+ Từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 6 năm 2024 áp dụng mức chuẩn 440.000 đồng/tháng (*Trung ương là 360.000 đồng/tháng*).

+ Từ tháng 7 năm 2024 đến nay áp dụng mức chuẩn 500.000 đồng/tháng (*bằng mức chuẩn của Trung ương là 500.000 đồng/tháng*).

- Ngày 01/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó:

+ Khoản 1 Điều 1 quy định: “*Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng*”. Mức chuẩn trợ giúp xã hội mới tăng 1,39 lần so với mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Khoản 2 Điều 1 quy định: “*Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau: Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: a) Mức chuẩn trợ giúp*

xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”.

- Thực hiện Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố, hiện có 1.262 trẻ em khuyết tật nhẹ, mắc bệnh hiểm nghèo được hỗ trợ hàng tháng (*mức hỗ trợ hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số*), kinh phí thực hiện trên 582 triệu đồng/tháng.

- Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (*có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025*), tại khoản 4 Điều 27 quy định “*Hội đồng nhân dân Thành phố quy định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thành phố*”.

- Ngày 30/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, trong đó tại khoản 2, Điều 3 quy định “*Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng*” (*tăng 1,3 lần so với mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ*).

- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm sau tăng so với năm trước:

Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Chỉ số giá tiêu dùng	103,8 %	103,2 %	105,04 %	108,19 %	111,44 %	115,1 %

Như vậy, mức chuẩn trợ giúp xã hội 440.000 đồng/tháng của thành phố Hà Nội đã thực hiện từ tháng 7 năm 2021 đến hết tháng 6 năm 2024, không theo kịp mức tăng giá tiêu dùng, mức tăng lương cơ sở và thấp hơn mức chuẩn Trung ương. Hiện nay thành phố Hà Nội áp dụng mức chuẩn 500.000 đồng/tháng theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; để đảm bảo quyền lợi, chế độ chính sách cho các đối tượng của thành phố Hà Nội và góp phần thực thi Luật Thủ đô, Ủy ban nhân dân thành phố kính đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội lên 650.000 đồng/tháng.

c) Về đối tượng bảo trợ xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội

- Toàn Thành phố hiện có 282.689 người đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng tại cộng đồng (trong đó: Bảo trợ xã hội: 119.679 người; Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi đang hưởng bảo trợ xã hội chuyển sang trợ cấp hưu trí xã hội: 84.371 người; người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội mới từ tháng 7 năm 2025: 78.639 người); 3.117 người đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập của Thành phố. Kinh phí thực hiện trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội trên 180 tỷ đồng/tháng (*mức trợ giúp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số; đối tượng trợ cấp*

hưu trí xã hội hưởng 500.000 đồng/người/tháng), từ nguồn ngân sách Thành phố theo phân cấp.

- Những năm qua, Thành phố đã thực hiện trợ cấp xã hội cho các đối tượng đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội.

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, thực hiện Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội: “*Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ và từ đủ 75 tuổi trở lên không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, mức hưởng 500.000 đồng/tháng*”. Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định đối tượng tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng mà đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thì được chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội và đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Như vậy, cơ bản các đối tượng người cao tuổi đang hưởng bảo trợ xã hội sẽ được chuyển sang trợ cấp hưu trí xã hội.

- Đối tượng được tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội: Ngoài các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Hà Nội có quy định tiếp nhận một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn vào nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập của Thành phố:

+ Người lang thang vô gia cư; Người lang thang có hành vi xin ăn, xin tiền (bao gồm người đi cùng); người dẫn theo trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi để bán hàng rong, đeo bám, chèo kéo người đi đường (bao gồm trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi đi cùng); người cao tuổi, trẻ em bị đi lạc gia đình; người lang thang sinh sống ở nơi công cộng trong dịp Tết Nguyên đán hoặc thời tiết rét đậm dưới 10⁰C;

+ Người tâm thần lang thang được đưa đến các bệnh viện tâm thần sau khi điều trị ổn định mà không xác định được nơi cư trú;

+ Người lang thang ốm yếu suy kiệt được đưa đến các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế để điều trị, sau khi điều trị ổn định mà không xác định được nơi cư trú;

+ Người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo;

+ Trẻ em mồ côi cha mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

+ Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

- Tham khảo có một số tỉnh, thành phố quy định đối tượng bảo trợ xã hội riêng của tỉnh, chủ yếu là trẻ em, người cao tuổi, người thuộc hộ nghèo,

hộ cận nghèo, người mắc bệnh hiểm nghèo, người dân vùng dân tộc thiểu số, địa bàn đặc biệt khó khăn và có mức chuẩn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội của Trung ương như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Đồng Nai, Bắc Ninh...

- Từ các căn cứ trên cho thấy, hiện mức chuẩn trợ giúp xã hội của Hà Nội tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố (440.000 đồng/tháng) thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội hiện tại của Trung ương (500.000 đồng/tháng) được quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ.

- Đối tượng hưởng theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội, mức trợ cấp 500.000 đồng/tháng thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội là 650.000 đồng/tháng của Nghị quyết *“Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội”* nếu được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua. Bản chất của đối tượng trợ cấp hưu trí xã hội phần lớn đều là đối tượng đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội chuyển sang (khoản 2 Điều 8 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP), vì vậy việc đưa đối tượng trợ cấp hưu trí xã hội vào Nghị quyết để bù thêm chế độ cho đối tượng do chuyển chính sách mới là phù hợp. Ngoài ra, tại Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố đã quy định đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng mức quà tết là 300.000 đồng/người; tuy nhiên, chưa quy định đối tượng trợ cấp hưu trí xã hội (phần lớn là đối tượng bảo trợ xã hội chuyển sang) nên cần thiết bổ sung nhóm trợ cấp hưu trí xã hội được hưởng quà tết như đối tượng bảo trợ xã hội.

Để đảm bảo quyền lợi, chế độ chính sách cho các đối tượng của thành phố Hà Nội và góp phần thực thi Luật Thủ đô, việc xây dựng Nghị quyết: *“Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội”* thay thế Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố đảm bảo các quy định hiện hành, phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Thành ủy, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của Thành phố và đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của đối tượng và nhân dân.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Góp phần thực hiện Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình hành động số 32-CTr/TU của Thành ủy; Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội và hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội của Thành phố, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, đời sống Nhân dân Thủ đô.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội đối với các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng có hoàn cảnh hoàn cảnh khó khăn; kịp

thời hỗ trợ cho nhóm đối tượng đang hưởng bảo trợ xã hội chuyển sang hưởng chính sách trợ cấp hưu trí xã hội. Duy trì mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn do Chính phủ quy định đã được Thành phố thực hiện liên tục từ nhiều năm nay, thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền Thành phố đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, đối tượng có hoàn cảnh hoàn cảnh khó khăn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của Thành phố và đúng thẩm quyền.

- Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định hiện hành trong việc xác định đối tượng bảo trợ xã hội đưa vào chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội (*Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Điều 45 Luật người khuyết tật: việc xác định đối tượng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống*).

- Góp phần hoàn thành các chỉ tiêu của thành phố Hà Nội theo Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21/2/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 (*Mục 3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể: a) giai đoạn 2025 -2030: 100% người cao tuổi tâm thần nặng, người cao tuổi lang thang được nhận, chăm sóc, phục hồi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội*).

- Đảm bảo tính ưu việt của chính sách theo quy định của Luật người khuyết tật “*Người khuyết tật được chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, học văn hóa, học nghề, việc làm, trợ giúp pháp lý, tiếp cận công trình công cộng, phương tiện giao thông, công nghệ thông tin, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch và dịch vụ khác phù hợp với dạng tật và mức độ khuyết tật*” tạo điều kiện cho người khuyết tật nặng nhất là đối tượng trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập và phục hồi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội của Thành phố.

- Xây dựng Nghị quyết “*Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội*” thay thế “*Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố*” đảm bảo phù hợp với chức năng quản lý nhà nước và sự điều chỉnh, thay đổi sau sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, quy định pháp luật hiện hành; Đúng quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, điều kiện kinh tế - xã hội của Thủ đô.

- Mở rộng một số đối tượng khó khăn chưa được Trung ương quy định, đảm bảo độ bao phủ để thực hiện an sinh xã hội phù hợp khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

- Nghị quyết chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nguồn kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, không trùng lặp, không tác động xấu đến kinh tế - xã hội, không tăng thủ tục hành chính, không gây xáo trộn đời sống dân sinh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Ngày 21/11/2024, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (trước sắp xếp tổ chức bộ máy) đã có Văn bản số 4398/SLĐT BXH-VP đề xuất đưa vào Chương trình công tác năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố việc xây dựng Nghị quyết: *“Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội”* trình Hội đồng nhân dân Thành phố kỳ họp tháng 10 năm 2025.

- Ngày 08/01/2025, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình công tác năm 2025 trong đó phê duyệt nội dung trình Hội đồng nhân dân Thành phố kỳ họp tháng 12 năm 2025 Nghị quyết: *“Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội”*.

- Ngày 04/02/2025, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch soạn thảo, ban hành văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô năm 2025 trong đó có nội dung trình Hội đồng nhân dân Thành phố kỳ họp tháng 12 năm 2025 Nghị quyết: *“Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội”* theo khoản 1 Điều 27 Luật Thủ đô: *Xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô đảm bảo đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân.*

Thực hiện chỉ đạo, Sở Y tế đã nghiên cứu các quy định có liên quan, dự thảo Tờ trình, Nghị quyết theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

+ Ngày 20/8/2025, Sở Y tế có Tờ trình số 4360/TTr-SYT-BTXH về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội gửi Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng thời có Công văn số 4347/SYT-BTXH gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các Sở, ngành đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

+ Sở Tư pháp có Công văn số 3639 /STP-VBPQ ngày 27/8/2025; Sở Khoa học và Công nghệ có Công văn số 3360/SKHCN-VP ngày 28/8/2025; Sở Nội vụ có Công văn số 6052 /SNV-SBN ngày 09/10/2025 về việc góp ý đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội.

+ Ngày 03/10/2025, Sở Y tế có Công văn số 5332/SYT-BTXH gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết. Ngày 14/10/2025, Sở Tư pháp có Báo cáo số 281/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của thành phố Hà Nội. Ngày 05/11/2025, Sở Y tế có Báo cáo số 6162/BC-SYT tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội.

+ Ngày 04/11/2025 Sở Y tế có Tờ trình số 6194/TTr-SYT gửi UBND Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội.

+ Ngày 13/11/2025 Ủy ban nhân dân Thành phố có Thông báo Kết luận số 1331/TB-UBND, trong đó: *“Thống nhất với đề xuất của Sở Y tế tại Tờ trình số 6194/TTr-SYT ngày 06/11/2025. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, căn cứ ý kiến góp ý của các đồng chí Ủy viên UBND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội”*.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết *“Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội”*.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Đối tượng đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội;

c) Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội.

3. Bố cục của dự thảo Nghị quyết gồm 9 điều

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;
- Điều 2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội ;
- Điều 3. Trợ cấp xã hội hằng tháng trong cộng đồng đối với trẻ em, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 22 tuổi;
- Điều 4. Trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi tại cộng đồng;
- Điều 5. Trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người mắc bệnh hiểm nghèo tại cộng đồng;

- Điều 6. Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn của thành phố Hà Nội được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Y tế quản lý

- Điều 7. Mức hỗ trợ thêm hằng tháng đối với người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội;

- Điều 8. Nguồn kinh phí đảm bảo;

- Điều 9. Tổ chức thực hiện.

- Điều 10. Điều khoản thi hành.

4. Nội dung cơ bản: Dự thảo Nghị định có một số nội dung cơ bản như sau:

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội.

b) Đối tượng áp dụng

- Đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Đối tượng đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội.

- Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội.

c) Mức chuẩn trợ giúp xã hội

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội là 650.000 đồng/tháng.

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội làm căn cứ để xác định: mức trợ cấp xã hội hằng tháng; mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Sở Y tế quản lý; các mức trợ giúp xã hội khác.

- Mức trợ cấp xã hội hằng tháng: Bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 2 nhân với hệ số tương ứng của từng đối tượng quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6 của Nghị quyết này.

- Trường hợp đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội thuộc diện hưởng nhiều chính sách trợ cấp, hỗ trợ hằng tháng theo các hệ số khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách hoặc một mức hưởng cao nhất.

d) Trợ cấp xã hội hằng tháng đối với trẻ em; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 22 tuổi tại cộng đồng

Đối tượng hưởng trợ cấp: Trẻ em, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 22 tuổi đang học văn hóa, học nghề, học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, học cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thuộc các trường hợp sau đây:

- Mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ và người còn lại là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng.

- Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng và người còn lại thuộc một trong các trường hợp sau: bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

- Có cả cha và mẹ là người khuyết tật đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng.

Hệ số trợ cấp xã hội hằng tháng:

- Trẻ em dưới 4 tuổi: 2.5

- Trẻ em từ đủ 4 tuổi trở lên; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 22 tuổi: 1.5

e) Trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi tại cộng đồng

- Đối tượng hưởng trợ cấp: Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (gồm: vợ, chồng, con) nhưng người này không trong độ tuổi lao động hoặc trong độ tuổi lao động nhưng không có khả năng lao động hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.

- Hệ số trợ cấp xã hội hằng tháng:

+ Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi: 1.5

+ Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên: 2.0

g) Trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người mắc bệnh hiểm nghèo tại cộng đồng

- Đối tượng hưởng trợ cấp: Người bị mắc một trong các bệnh hiểm nghèo sau đây: ung thư, suy thận phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế và là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người nhiễm HIV/AIDS là thành viên thuộc hộ cận nghèo. Hệ số trợ cấp xã hội hằng tháng: 1.5

h) Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn của thành phố Hà Nội được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Y tế quản lý

- Đối tượng hưởng trợ cấp: Người có hoàn cảnh khó khăn của thành phố Hà Nội có nguyện vọng hoặc do các cơ quan chức năng có thẩm quyền đề xuất được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Sở Y tế quản lý gồm:

+ Trẻ em theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

+ Trẻ em là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo thuộc một trong các trường hợp sau: Trẻ em mồ côi (hoặc không xác định được) cha hoặc mẹ; Trẻ em có cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; Trẻ em có

cha hoặc mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam (hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc); Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Sở Y tế quản lý.

+ Người cao tuổi quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này; Người cao tuổi tâm thần nặng;

+ Người khuyết tật đặc biệt nặng; Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

+ Người nhiễm HIV/AIDS thuộc một trong các trường hợp sau: Là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người từ đủ 16 tuổi trở lên đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Sở Y tế quản lý.

+ Người lang thang vô gia cư; người lang thang chưa xác định được nơi cư trú; bệnh nhân sau khi được cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội điều trị bệnh ổn định nhưng chưa xác định được nơi cư trú.

+ Trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp: trẻ em có nguy cơ bị bạo lực gia đình; trẻ em có nguy cơ bị xâm hại tình dục, thân thể.

- Hệ số để xác định mức trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng

+ Hệ số 5,0 đối với trẻ em dưới 04 tuổi.

+ Hệ số 4,0 đối với các đối tượng từ đủ 04 tuổi trở lên.

i) Mức hỗ trợ thêm hằng tháng đối với người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

- Đối tượng áp dụng: Người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội.

- Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội được hỗ trợ thêm hằng tháng 150.000 đồng (*ngoài chính sách của nhà nước*) đảm bảo tổng mức hưởng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội và được hưởng quà Tết như các đối tượng bảo trợ xã hội theo chính sách của Thành phố (*trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức trợ cấp hưu trí xã hội cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố thì hưởng theo mức của Chính phủ quy định*).

k) Nguồn kinh phí đảm bảo

- Kinh phí trợ cấp cho các đối tượng tại các Điều: 3, 4, 5, 7 Nghị quyết này do ngân sách xã, phường đảm bảo, được cân đối trong dự toán ngân sách hàng năm cho các xã, phường.

- Kinh phí nuôi dưỡng cho các đối tượng tại Điều 6 của Nghị quyết này do ngân sách Thành phố đảm bảo và được bố trí trong dự toán giao cho Sở Y tế hàng năm.

l) Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách, đúng quy định và công khai, minh bạch, tránh các tiêu cực có thể xảy ra.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Đối tượng “người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động của thành phố Hà Nội” quy định tại Khoản 6, Điều 1 (*chi tiết theo Phụ lục số 6*), Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố hưởng trợ cấp theo Nghị quyết này kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

m) Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, thay thế Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của Thành phố Hà Nội.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực: Tổng kinh phí dự kiến thực hiện nghị quyết: 2.406,542 tỷ đồng/năm, trong đó:

- Kinh phí thực hiện theo mức chuẩn trợ giúp xã hội 650.000 đồng/tháng là: 199,242 tỷ đồng/tháng (*tương đương 2.390,904 tỷ đồng/năm*), tăng 45,99 tỷ đồng/tháng (*tương đương 551,9 tỷ đồng/năm*) so với kinh phí thực hiện chính sách hiện hành, cụ thể:

+ Kinh phí trợ cấp xã hội tại cộng đồng: 185,552 tỷ đồng/tháng (*tăng 42,82 tỷ đồng/tháng*).

+ Kinh phí trợ cấp nuôi dưỡng đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội: 7,95 tỷ đồng/tháng (*tăng 1,8 tỷ đồng/tháng*).

+ Kinh phí hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội ước: 4,972 tỷ đồng/tháng (*tăng 1,147 tỷ đồng/tháng*).

+ Kinh phí hỗ trợ trẻ em khuyết tật nhẹ, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo theo khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố cấp: 860,925 tỷ đồng/tháng (*tăng 0,278 tỷ đồng/tháng*).

- Dự kiến kinh phí bổ sung quà tết cho nhóm đối tượng từ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi: 15,638 tỷ đồng/năm.

2. Nguồn kinh phí

- Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, chính sách hỗ trợ cho các đối tượng tại cộng đồng do ngân sách cấp xã đảm bảo theo phân cấp.

- Kinh phí nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Y tế do ngân sách Thành phố đảm bảo và được bố trí trong dự toán giao cho Sở Y tế hàng năm.

3. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết và thời gian trình thông qua

- Ngân sách đảm bảo đáp ứng đủ kinh phí để thực hiện Nghị quyết.

- Các xã, phường; các cơ sở trợ giúp xã hội có thể triển khai, thực hiện ngay sau khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

- Dự kiến trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI xem xét, thông qua vào kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân Thành phố.

VII. ĐỀ XUẤT THƯỜNG TRỰC HĐND THÀNH PHỐ

- Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định thông qua dự thảo Nghị quyết “*Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội*”.

(*Hồ sơ gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố “Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội”*).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Đ/c PCT UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXXH, KTNS-HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP Hà Nội;
- Các Sở: Y tế, TC, TP, NV, KHCCN;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KT, NC, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thu Hà